| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 57/2018/DS-PT
Ngày: 25-01-2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

*Các Thẩm phán*: Ông Huỳnh Hiếu

Ông Trần Văn Đạt

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 12 năm 2017, ngày 22 và 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2017/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 352/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Cao Long P, sinh năm 1965 (có văn bản xin vắng mặt);

Địa chỉ: Lý Thường K, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông Cao Hoàng O, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ:, Nguyễn Minh Đ, Ấp M, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ngô Thị P, sinh năm 1960 (có văn bản xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Võ Trọng K, Chi nhánh Văn phòng luật sư Võ Trọng K, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Lê Trí N, sinh năm 1984 (có văn bản xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Phạm Chí H, sinh năm 1959 (có văn bản xin vắng mặt);

Địa chỉ: đường Phan Hiến Đ, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*Người kháng cáo:* Bị đơn bà Ngô Thị P**.**

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm;*

***Nguyên đơn ông Cao Long P trình bày:***

Ngày 15/5/2013, ông có cho bà Ngô Thị P vay số tiền là 430.000.000 đồng. Thực chất, số tiền 430.000.000 đồng được vay làm nhiều lần từ năm 2012, mỗi lần vay tiền có làm biên nhận nhưng hiện nay không còn vì hủy bỏ sau khi tổng kết nợ ngày 15/5/2013. Ông không nhớ thời gian và số tiền của từng lần vay. Sau đó để tổng kết nợ, các bên có làm biên nhận tổng vào ngày 15/5/2013 với số tiền 430.000.000 đồng, biên nhận do ông viết, bà P có ký tên. Hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích bà P vay để chi phí trong vụ tranh chấp khác. Quá trình thực hiện, bà P không trả tiền vốn và lãi như thỏa thuận. Trong một lần vay tiền, có ông H (không nhớ họ và địa chỉ) và ông Điêu Nguyễn Hồng P (không rõ địa chỉ cụ thể) chứng kiến (không nhớ thời gian, số tiền cho vay lần này). Ngày 15/5/2013, các bên chỉ làm biên nhận tổng kết nợ, không có giao nhận tiền gì thêm vì việc giao nhận tiền đã được thực hiện trước đó.

Về nội dung cuối biên nhận có ghi "tiền mượn là của sổ ông H" có nghĩa trong số tiền vốn 430.000.000 đồng, có một phần tiền ông cho bà P vay có ông H chứng kiến và có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H cho ông để làm tin, thời gian và số tiền lần đó ông không nhớ. Lê Trí N là người chứng kiến trong giao dịch vay giữa ông và bà P, không tham gia giao dịch vay.

Vì vậy, nay ông yêu cầu bà Ngô Thị P phải trả số tiền vốn 430.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 20%/năm. Thời hạn tính lãi từ ngày 15/5/2013 đến ngày đưa vụ án ra xét xử. Thời gian thực hiện là 15 ngày khi án có hiệu lực pháp luật. Ông sẽ làm đơn khởi kiện bổ sung về phần lãi trong thời hạn 05 ngày tính từ ngày 24/4/2017 theo hướng dẫn của Tòa án.

***Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Phạm Thị Quỳnh N trình bày:***

Bà thống nhất bà P có ký tên vào giấy mượn tiền ngày 15/5/2013 như ông P trình bày, tuy nhiên bà P không có nhận tiền. Trước đó, vào năm 2012, bà P

không có vay tiền ông P. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P bà P không đồng ý.

***Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Trí N trình bày:***

Ông N chỉ là người chứng kiến khi làm giấy mượn tiền ngày 15/5/2013 giữa ông P và bà P, lần đó ông P không có giao tiền cho bà P. Ông N không có ý kiến gì về yêu cầu của ông P.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Chí H trình bày:***

Ông quen biết bà P, không quan hệ gì với ông Cao Long P. Ông không chứng kiến hay tham gia giao dịch giữa bà P và ông P. Ông không liên quan gì đến vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 93/2017/DSST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu của ông Cao Long P:

Buộc bà Ngô Thị P có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/8/2017, bị đơn bà Ngô Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 93/2017/DSST ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng biên nhận nợ ngày 15/5/2013 do ông P lập để xác định số nợ bà P thiếu ông P từ những năm 2012 và bà P cùng con trai là Lê Trí N đã ký xác nhận số nợ mãi đến nay cũng không thanh toán, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp yêu cầu kháng cáo của bà P, giữ y bản án sơ thẩm số 93/2017/DSST ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn và  người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không đồng ý việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện xác định bà P và con trai là N có ký tên trong biên nhận ngày 15/5/2013 định vay tiền của ông P nhưng ông không hề nhận tiền, cũng không có việc tổng kết số nợ từ năm 2012, vì không nhận tiền nên không đồng ý trả do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung: biên nhận nợ mà ông P làm căn cứ kiện bà P có nội dung không rõ ràng, "số tiền cho bà P mượn là ", phần cuối biên nhận lại ghi "tiền mượn là của số anh H và tiền nhận lẻ nhiều lần..." không thể hiện việc giao nhận tiền, ai cho bà P mượn, cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất những nội dung mâu thuẫn trong biên nhận mà đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là chưa có cơ sở vững chắc, chưa thu thập chứng cứ đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị P lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Ông Cao Long P khởi kiện bà Ngô Thị P yêu cầu trả 430.000.000 đồng nợ vay, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là phù hợp. Ông P, bà P, ông H, anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2]Về nội dung: Xét thấy lời trình bày và ý kiến của phía nguyên đơn là chưa thuyết phục, bởi lẽ, tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 28/3/2017 (bút lục 12, 13) ông P trình bày: " *Ngày 15/5/2013, bà Ngô Thị P có hỏi vay tiền và tôi đã cho P vay số tiền là 430.000.000 đồng*" nhưng tại biên bản hòa giải ngày 24/4/2017 (bút lục 52) ông P lại xác định: "*trước đây vào khoảng năm 2012, tôi có cho bà Ngô Thị P vay làm nhiều lần với tổng số tiền là 430.000.000 đồng, mỗi lần vay tiền có làm biên nhận nhưng hiện nay không còn vì đã hủy bỏ sau khi tổng kết nợ ngày 15/5/2013… Ngày 15/5/2013 các bên làm biên nhận tổng kết nợ, chứ không có giao nhận tiền gì thêm cả vì việc giao nhận tiền đã được thực hiện trước đó… Về nội dung cuối biên nhận có ghi tiền mượn là của số ông H, có nghĩa trong số tiền 430.000.000 đồng có 01 phần tôi cho bà P vay có ông H chứng kiến và có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H cho tôi để làm tin cho việc tôi cho bà P vay tiền, thời gian và số tiền lần đó tôi không nhớ…*". Lời trình bày của nguyên đơn trước sau không thống nhất và như thế có thể khẳng định ngày 15/5/2013 ông P không hề giao tiền cho bà P vay số tiền 430.000.000 đồng.

Tại văn bản ý kiến của ông Phạm Chí H lập ngày 12/6/2017 (do phía nguyên đơn cung cấp địa chỉ, bút lục 111) ông H trình bày: "*tôi có quen biết với ông Cao Long P và bà Ngô Thị P, tuy nhiên việc vay mượn giữa ông P và bà P tôi hoàn toàn không biết, tôi không chứng kiến, không viết hay ký tên trên bất kỳ*

*chứng từ nào giữa 2 người*". Như vậy cho thấy việc ông P cho rằng ông H chứng kiến việc vay tiền là không có thật.

Đồng thời, phía nguyên đơn trình bày bà P mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H thế chấp ông P để vay số tiền 430.000.000 đồng nhưng hồ sơ thể hiện giấy đất của ông H được thế chấp vay tiền của ông O và đã được giao trả cho bà P (bút lục 99) cho thấy việc trình bày của phía nguyên đơn không trung thực, không đáng tin cậy.

Xét nội dung biên nhận ngày 15/5/2013 (bút lục 42) "*…số tiền mượn cho bà Ngô Thị P là 430.000.000 đồng*..." không thể hiện rõ là mượn của ai nên không thể khẳng định chủ nợ là ông P, người nợ là bà P nên không thể buộc bà P có nghĩa vụ với các khoản nợ này.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ngày 04/8/2017 chính bản thân ông P đã rút yêu cầu khởi kiện, sau đó lại giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên phía bà P không chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề này.

Từ những phân tích trên thấy rằng phía nguyên đơn không chứng minh được bà P có nợ tiền của nguyên đơn theo biên nhận nợ ngày 15/5/2013 nhưng cấp sơ thẩm đã buộc bà P trả cho ông P 430.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở, thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bà P, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bà P và con (N) ký biên nhận nợ vay tiền nên phải có trách nhiệm trả, nhưng lại không giải thích và chứng minh được ông P cho bà P vay 430.000.000 đồng lúc nào, không cung cấp các biên nhận nợ từ năm 2012 đến năm 2013 để tổng kết nợ theo biên nhận ngày 15/5/2013 nên ý kiến này không được xem xét.

Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy, biên nhận mà ông P làm căn cứ khởi kiện có nhiều mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ, ra Quyết định đối chất nhưng các đương sự không hợp tác, mặt khác, nghĩa vụ chứng minh là của các đương sự, do cấp sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên chưa có căn cứ để hủy án vì vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không được chấp nhận.

[3] Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên bà P không phải chịu án phí dân sự sơ và phúc thẩm; yêu cầu khởi kiện của ông P không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 227, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1**/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị P.

Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 93/2017/DSST ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Long P về việc đòi bà Ngô Thị P trả số tiền 430.000.000 đồng nợ vay.

**2**/ Về án phí:

Ông Cao Long P phải chịu 21.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông P đã nộp 10.600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 31645 ngày 28/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp 10.900.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Ngô Thị P 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 32338 ngày 18/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**3**/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- CCTHADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA TAT; (để báo cáo)
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thái Dũng**